

Số: 03/2022/QĐST-DS

Bù Gia Mập, ngày 16 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2022/TLST-DS ngày 26/01/2022, về việc “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Trương Quang P**, sinh năm 1978 và bà **Lê Thị H**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phí Ngọc M**, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Ông **Đặng Văn M**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Phạm Thị Ngọc L**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: ông **Đặng Văn M**, bà **Phạm Thị Ngọc L** đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Trương Quang P**, bà **Lê Thị H** số tiền mua phân còn nợ là 390.450.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Về thời hạn trả: ông **M**, bà **L** đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông **P**, bà **H** số tiền 390.450.000 đồng khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (của vụ án này) có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết

định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 9.761.250 đồng ông M, bà L đồng ý có nghĩa vụ liên đới nộp.

Trả lại ông P, bà H số tiền tạm ứng án phí 9.761.000 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006075 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (do ông Phí Ngọc M nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ly